
TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000

Lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000 đã diễn ra theo một quá trình liên tục những sự kiện lớn : Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930, Cách mạng tháng Tám với sự thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1945, kháng chiến chống Pháp với chiến thắng Điện Biên Phủ “chấn động địa cầu” năm 1954, kháng chiến chống Mĩ với Đại thắng mùa Xuân năm 1975 và công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay. Mỗi sự kiện là mốc đánh dấu một thời kì phát triển của lịch sử dân tộc.

I – CÁC THỜI KÌ PHÁT TRIỂN CỦA LỊCH SỬ DÂN TỘC

1. Thời kì 1919 – 1930

(Từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến khi Đảng ra đời năm 1930)

– Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 – 1929) của Pháp đã làm chuyển biến tình hình kinh tế – xã hội Việt Nam, tạo cơ sở xã hội (giai cấp) và điều kiện chính trị (phong trào yêu nước) để tiếp thu luồng tư tưởng cách mạng vô sản.

– Nguyễn Ái Quốc và một số nhà yêu nước khác đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, những luận điểm của Nguyễn Ái Quốc về con đường giải phóng dân tộc Việt Nam và bài học của Cách mạng tháng Mười Nga về trong nước, đã làm chuyển biến phong trào yêu nước chống Pháp từ lập trường tư sản sang lập trường vô sản.

– Phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của một bộ phận tiểu tư sản chuyển sang lập trường vô sản, cùng với phong trào công nhân chuyển sang tự giác, đòi hỏi phải có Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo. Ba tổ chức cộng sản ra đời vào nửa sau năm 1929 rồi thống nhất thành một đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930) đã đáp ứng yêu cầu đó.

2. Thời kì 1930 – 1945

(Từ sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đến ngày 2 – 9 – 1945)

– Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) cùng với sự gia tăng áp bức, bóc lột và cuộc “khủng bố trắng” của thực dân Pháp sau khởi nghĩa Yên Bái (9 – 2 – 1930), đã làm bùng nổ phong trào cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng trong những năm 1930 – 1931, với đỉnh cao Xô viết Nghệ – Tĩnh.

– Trong bối cảnh lịch sử những năm 1936 – 1939, khi chủ nghĩa phát xít xuất hiện, đe dọa hoà bình thế giới, ở nước ta dấy lên phong trào đấu tranh công khai rộng lớn đòi tự do, dân sinh, dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây là phong trào quần chúng rộng lớn với mục tiêu, hình thức đấu tranh mới.

– Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) đã tác động đến toàn thế giới. Cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô và các lực lượng dân chủ thế giới chống phát xít thắng lợi đã tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng nước ta và nhiều nước tiến lên giải phóng dân tộc.

– Đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Hội nghị Trung ương 8 (5 – 1941) đã hoàn chỉnh chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu được đề ra từ Hội nghị Trung ương tháng 11 – 1939. Từ đây,

cách mạng nước ta tập trung vào mục tiêu giải phóng dân tộc, ra sức chuẩn bị, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

– Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi là kết quả của quá trình chuẩn bị và tập dượt trong 15 năm kể từ khi Đảng ra đời năm 1930. Khởi nghĩa được tiến hành theo hình thái phù hợp, từ khởi nghĩa từng phần phát triển lên tổng khởi nghĩa. Cuộc Tổng khởi nghĩa thắng lợi đã giành được độc lập, chính quyền về tay nhân dân.

3. Thời kì 1945 – 1954

(Từ sau thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến ngày 21 – 7 – 1954)

– Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập, trong tình hình đất nước gặp muôn vàn khó khăn thử thách, nhân dân ta vừa xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính, vừa đấu tranh chống ngoại xâm, nội phản, bảo vệ chính quyền và từ cuối năm 1946, chống thực dân Pháp mở rộng xâm lược cả nước.

– Cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) tiến hành trong điều kiện nước ta đã có độc lập và chính quyền. Vì vậy, kháng chiến và kiến quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong thời kì này :

+ *Kháng chiến* chống thực dân Pháp xâm lược, và từ năm 1950 chống cả sự can thiệp của Mĩ, trải qua nhiều giai đoạn với các mốc lớn chiến thắng Việt Bắc thu – đông 1947, chiến thắng Biên giới thu – đông 1950, chiến thắng trong Đông – Xuân 1953 – 1954. Điện Biên Phủ là trận thắng quyết định đưa đến việc kí kết Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, kết thúc chiến tranh.

+ *Kiến quốc* nhằm xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, tạo tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội sau khi chiến tranh kết thúc.

4. Thời kì 1954 – 1975

(Từ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1954 đến ngày 30 – 4 – 1975)

– Xuất phát từ tình hình đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền, Đảng đề ra nhiệm vụ cho cách mạng từng miền và nhiệm vụ chung cho cách mạng cả nước, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền, xác định vị trí, vai trò của cách mạng từng miền. Nhiệm vụ chung là “kháng chiến chống Mĩ, cứu nước”.

– Ở miền Nam, tiến hành cuộc đấu tranh chính trị phát triển lên khởi nghĩa (từ “Đông khởi” 1959 – 1960), rồi chiến tranh giải phóng (từ giữa năm 1961), trải qua năm giai đoạn, lần lượt đánh bại các chiến lược thống trị và xâm lược thực dân mới của Mĩ : 1954 – 1960, đánh bại chiến lược “Chiến tranh đơn phương” ; 1961 – 1965,

đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ; 1965 – 1968, đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ; 1969 – 1973, đánh bại về cơ bản chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, buộc Mĩ phải rút quân khỏi miền Nam ; 1973 – 1975, đánh bại hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

– Ở miền Bắc, thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, và khi Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc, thì kết hợp chiến đấu với sản xuất. Miền Bắc còn làm nghĩa vụ của hậu phương, chi viện cho tiền tuyến miền Nam và thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với Lào, Campuchia. Nhân dân miền Bắc đã giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ qua hai lần : lần thứ nhất bắt đầu từ ngày 5 – 8 – 1964, chính thức từ ngày 7 – 2 – 1965 đến ngày 1 – 11 – 1968. Lần thứ hai bắt đầu từ ngày 6 – 4 – 1972, chính thức từ ngày 16 – 4 – 1972 đến ngày 15 – 1 – 1973.

5. Thời kì 1975 – 2000

(Từ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước năm 1975 đến năm 2000)

– Cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước từ sau khi đất nước độc lập và thống nhất.

– Trong 10 năm đầu (1976 – 1986) đi lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm do Đại hội IV (12 – 1976) và Đại hội V (3 – 1982) của Đảng đề ra, bên cạnh thành tựu và ưu điểm, chúng ta gặp không ít khó khăn, yếu kém, cả sai lầm, khuyết điểm. Khó khăn của ta ngày càng lớn, sai lầm chậm được sửa chữa, đưa đến khủng hoảng, trước hết về kinh tế – xã hội, đòi hỏi phải đổi mới.

– Đường lối đổi mới được đề ra từ Đại hội VI (1986) nhằm khắc phục khó khăn, sửa chữa sai lầm, vượt qua khủng hoảng, đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đến năm 2000, năm cuối của thế kỉ XX, nhân dân ta đã thực hiện thắng lợi ba kế hoạch Nhà nước 5 năm và từ năm 2001 thực hiện tiếp các kế hoạch 5 năm.

– Công cuộc đổi mới đã và đang giành được thắng lợi. Thắng lợi đó đã từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp.

II – NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Lịch sử đấu tranh và xây dựng đất nước của nhân dân ta từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay trải qua nhiều thời kì, nhiều bước thăng trầm. Từ khi Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác – Lênin năm 1920 và Đảng Cộng sản Việt Nam

ra đời năm 1930, cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tuy phải chịu nhiều hi sinh gian khổ, nhưng cuối cùng đã giành được thắng lợi vẻ vang. Thắng lợi nối tiếp thắng lợi, mở đầu là thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, tiếp đó là thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mĩ và nay là thắng lợi trong công cuộc đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi đó do nhiều nguyên nhân, cơ bản nhất là :

– Nhân dân ta đoàn kết một lòng, giàu lòng yêu nước, lao động cần cù, sáng tạo, chiến đấu kiên cường dũng cảm vì độc lập tự do. Truyền thống đó của dân tộc được phát huy cao độ trong thời kì cách mạng do Đảng lãnh đạo.

– Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, là đội tiên phong và là đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của dân tộc. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, độc lập tự chủ là nhân tố thắng lợi hàng đầu, chi phối các nhân tố khác của cách mạng Việt Nam.

Thực tế cách mạng nước ta từ năm 1930 đã để lại cho Đảng và nhân dân ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu⁽¹⁾ :

– Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, một bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta.

– Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nhân dân là người làm nên lịch sử.

– Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết : đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

– Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

– Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nêu những thắng lợi lịch sử tiêu biểu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng từ năm 1930 đến năm 2000. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến thắng lợi của cách mạng là gì ?
2. Thực tế cách mạng nước ta từ năm 1930 đến năm 2000 đã để lại cho Đảng và nhân dân ta những bài học kinh nghiệm gì ?
3. Lập niên biểu những sự kiện tiêu biểu gắn với từng thời kì trong tiến trình lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000).

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, H., 1991, tr. 4 – 6.